

Ngày	8,800 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.1%	-0.6%	-10.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,310 - 12,150
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,695
Số lượng CPLH (CP)	533,467,622
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,998,530
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	1.53
EPS	142
P/E	62.0

DT thuần

Q1/24

985

tỷ VNĐ

QoQ: ▼193| -16.3%

YoY: ▲284| 40.6%

LN trước thuế

Q1/24

117

tỷ VNĐ

QoQ: ▲115| 4660%

YoY: ▲81.6| 231%

LN sau thuế

Q1/24

98.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲94.8| 2822%

YoY: ▲89.4| 1016%

ROA

2023

0.1%

+/- YoY: ▼0.7%

DT thuần

2023

4,012

tỷ VNĐ

YoY: ▼519| -11.5%

LN trước thuế

2023

251

tỷ VNĐ

YoY: ▼539| -68.2%

LN sau thuế

2023

171

tỷ VNĐ

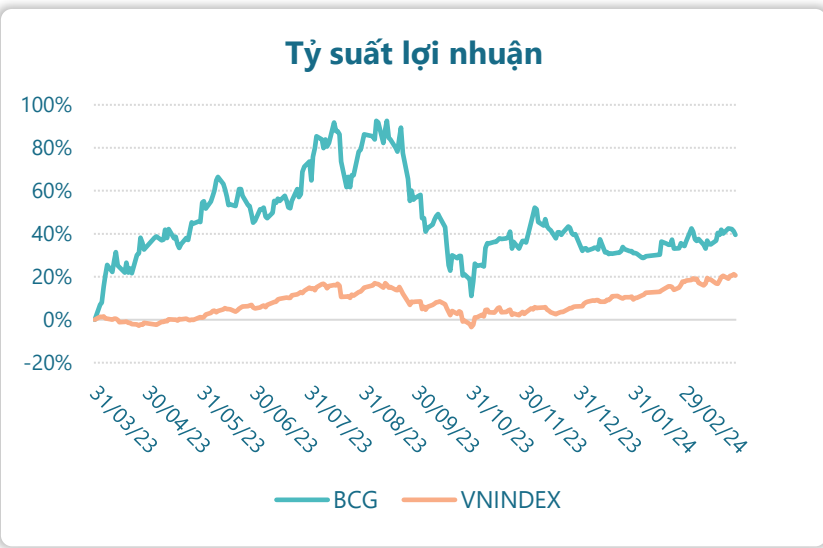
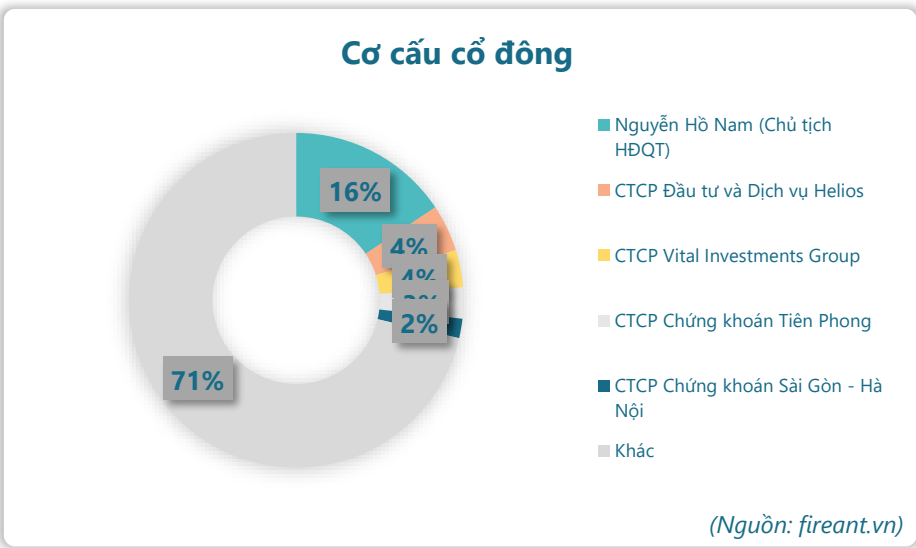
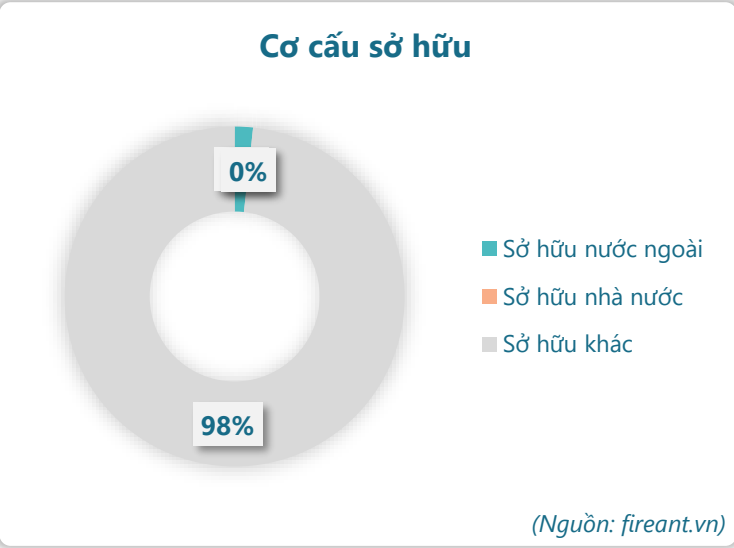
YoY: ▼370| -68.4%

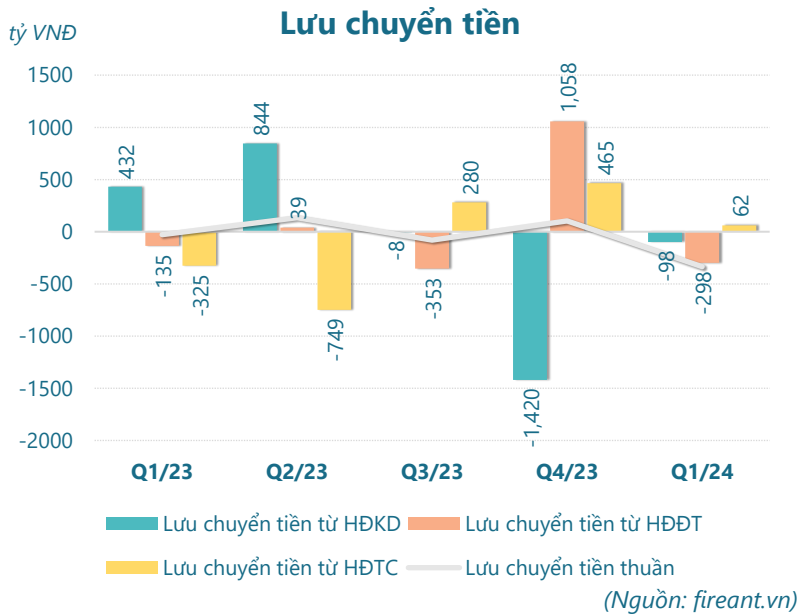
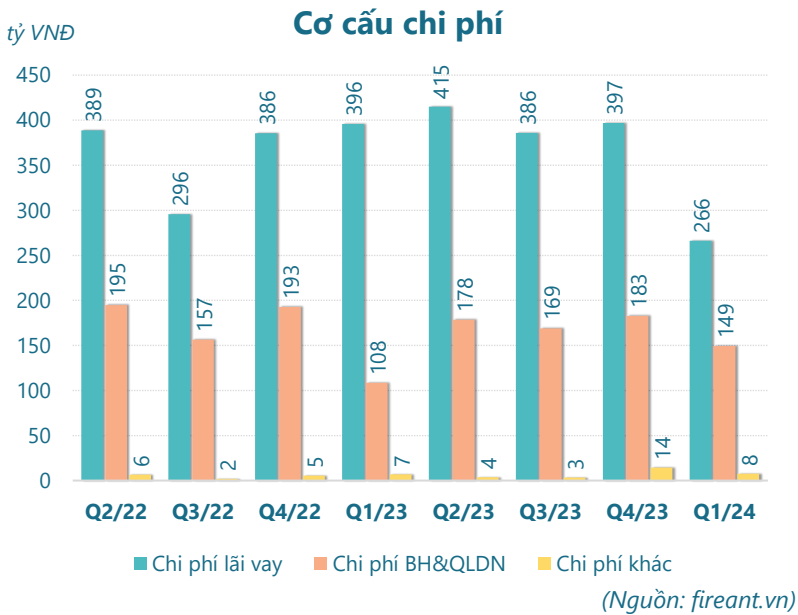
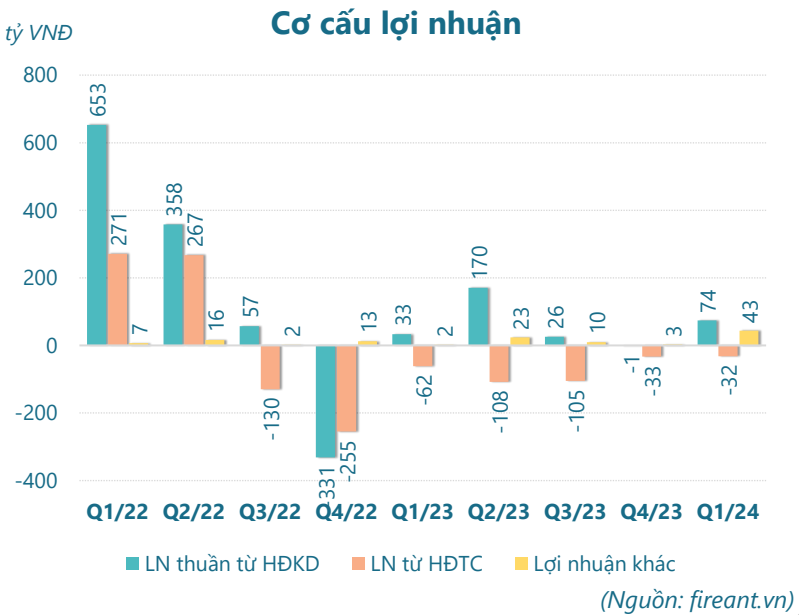
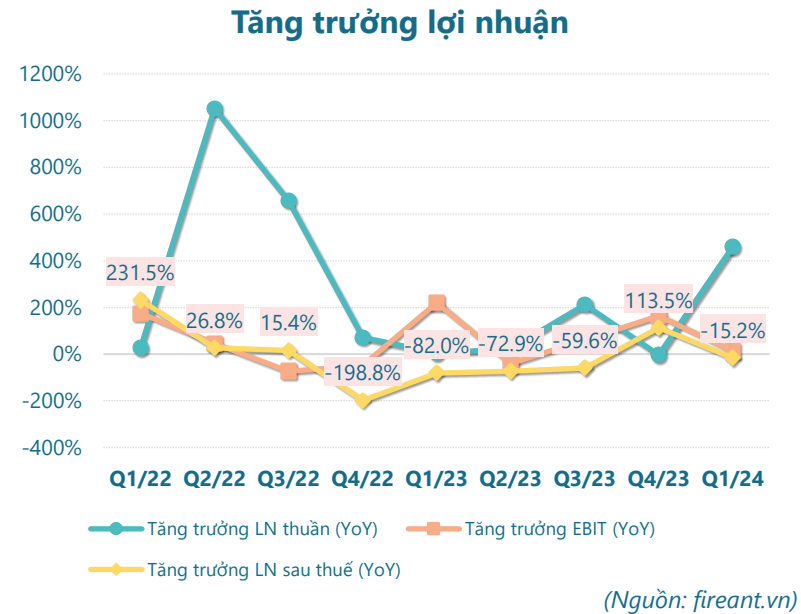
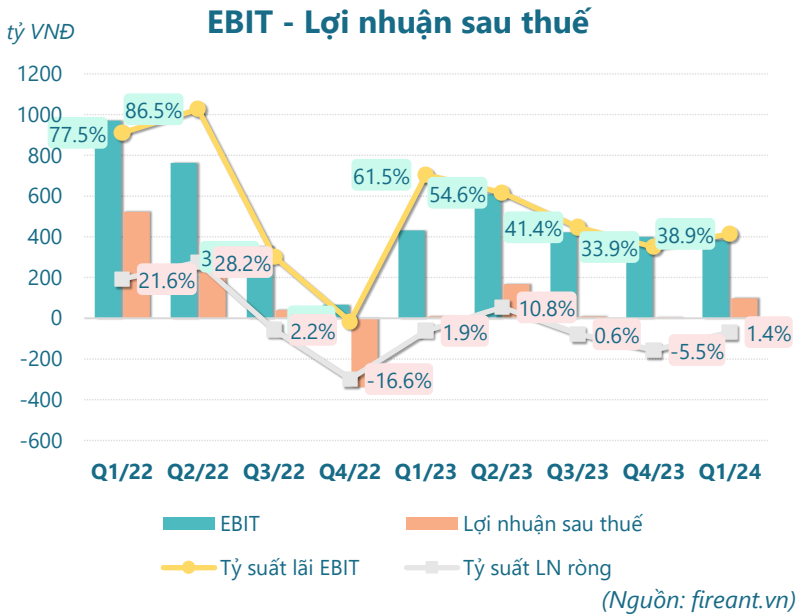
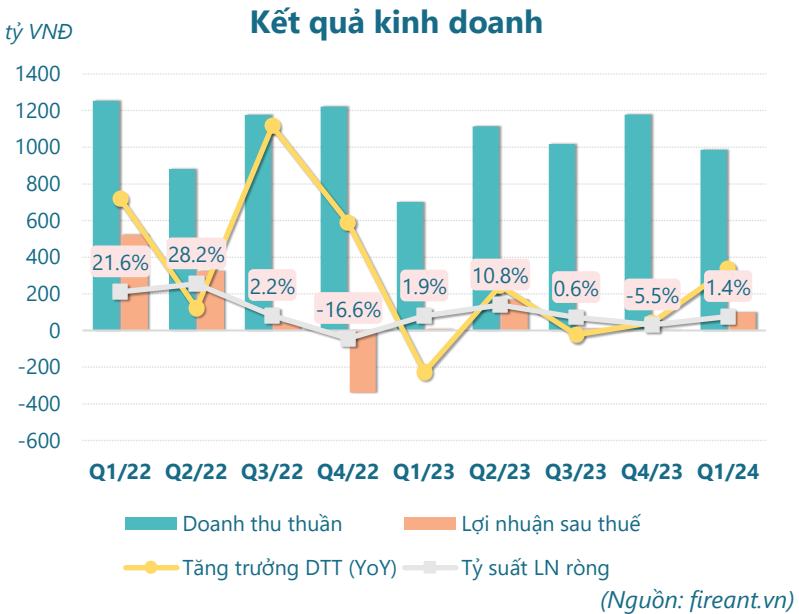
ROE

2023

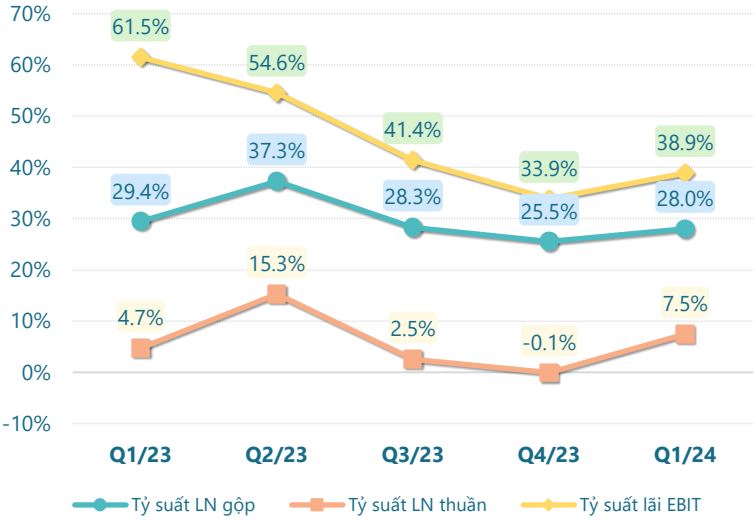
0.4%

+/- YoY: ▼2.8%



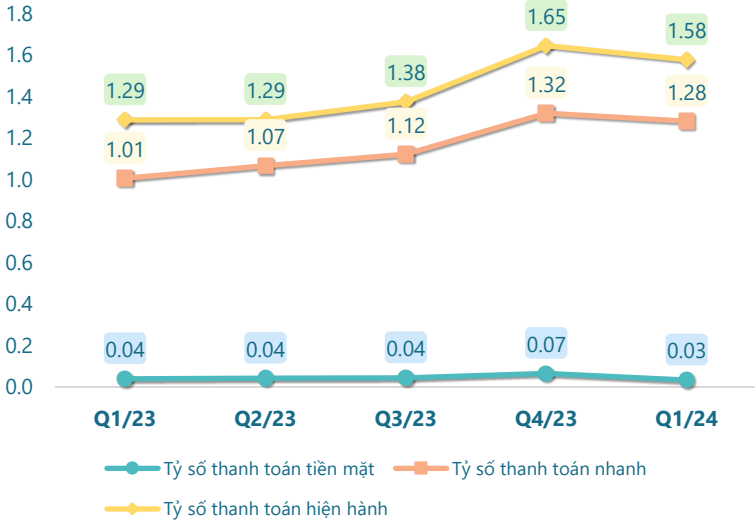


Tỷ suất lợi nhuận



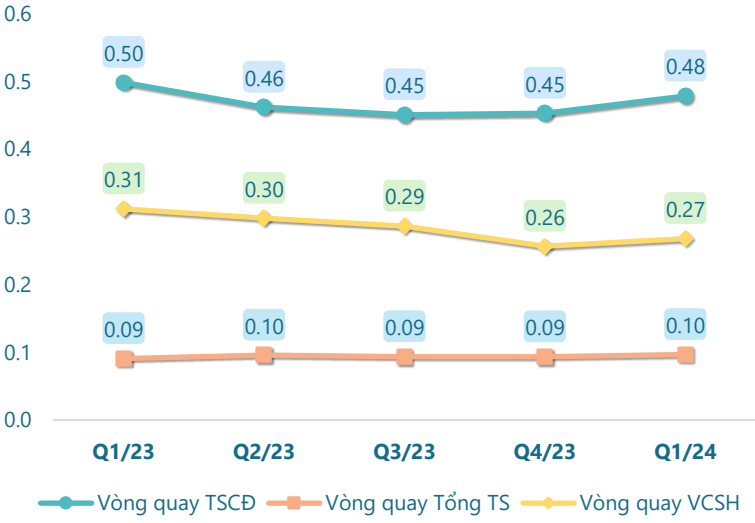
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



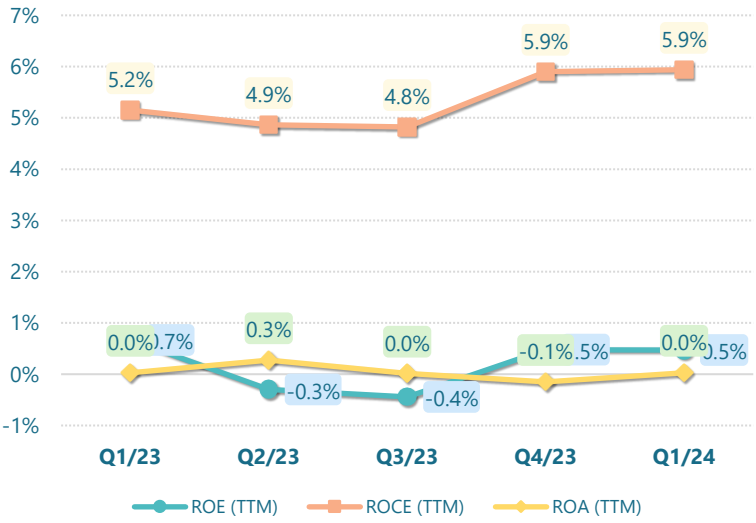
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



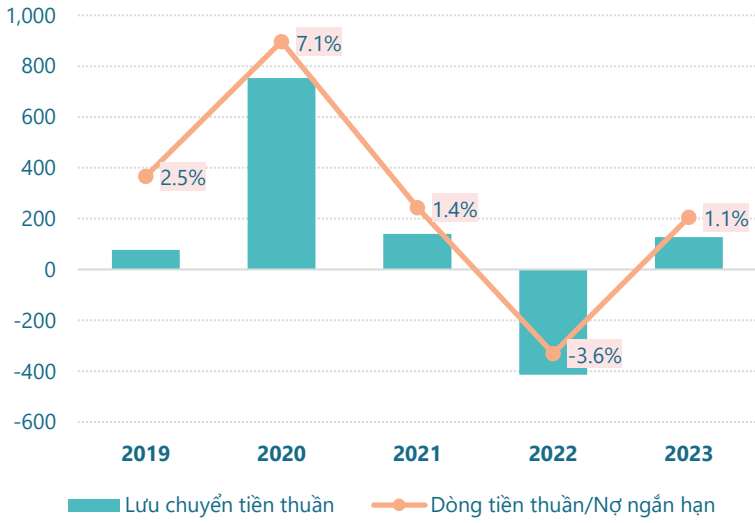
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



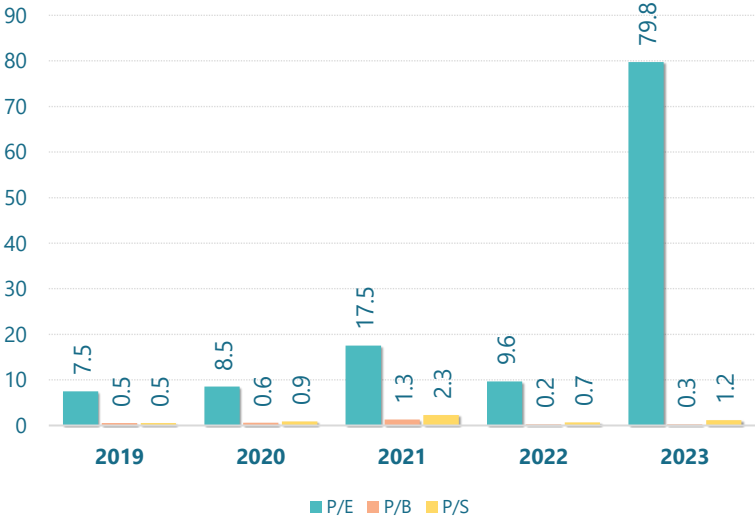
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)